



**Bảng 1: Chỉ tiêu**

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| VN30F1M (Giá đóng cửa – 28/07/2025)  | 1,693       |
| Khối lượng hợp đồng                  | 187,650     |
| VN30 (Giá đóng cửa – 28/07/2025)     | 1,695.63    |
| Khối lượng                           | 660,449,364 |
| Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b> | -2.63       |

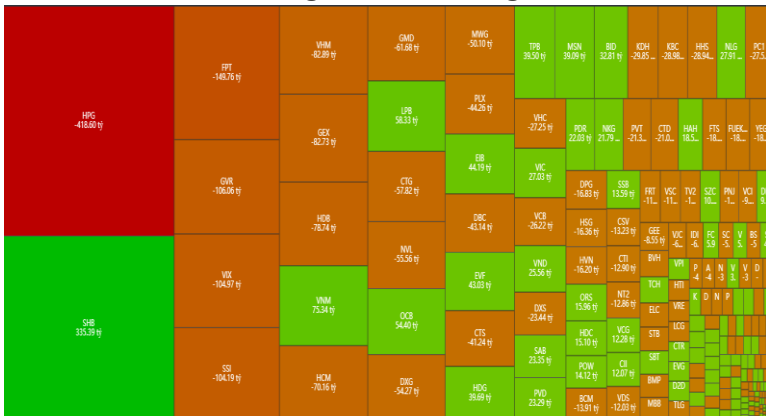
### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

- VN-Index mở gap tăng điểm vào đầu phiên sáng và giao dịch sideway up trong suốt phiên giao dịch, VNI đóng nến gần mức cao nhất phiên, đạt 1,557.42 điểm.
- Các hợp đồng tương lai tăng điểm trong phiên giao dịch ngày 28/07/2025. VN30-Index kết phiên với khối lượng giao dịch cao hơn mức trung bình 20 phiên.

### ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

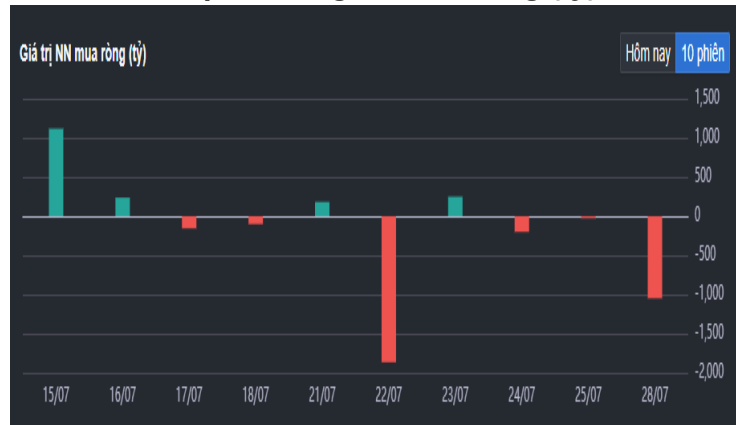
- Về mức độ ảnh hưởng, VPB và LPB ảnh hưởng nhiều nhất cho phiên hôm nay, lần lượt kéo VN30-Index tăng 3.82 và 3.38 điểm.
- VN30-Index kết phiên tăng 1.58% so với phiên giao dịch trước, đạt 1695.63 điểm. Độ rộng nghiêng về phía mua với 26 mã tăng, 03 mã giảm điểm và 01 mã không thay đổi.
- Khối ngoại quay lại bán ròng với giá trị hơn 1049 tỷ đồng. Tâm điểm, cổ phiếu HPG khối ngoại “bán” mạnh nhất tới hơn 418 tỷ đồng, tiếp theo sau là các mã như FPT bán ròng hơn 149 tỷ đồng; GVR hơn 106 tỷ đồng hay VIX hơn 104 tỷ đồng. Tại chiều mua, khối ngoại mua ròng nhiều nhất cổ phiếu SHB với giá trị hơn 335 tỷ đồng. Tiếp sau đó, hai mã VNM và LPB được khối ngoại mua ròng lần lượt là hơn 75 tỷ đồng và hơn 58 tỷ đồng.

**Hình 1- Phân bổ dòng tiền Nước ngoài**



Nguồn: FireAnt

**Hình 2- Giá trị Nước ngoài mua ròng (tỷ)**



Nguồn: FireAnt

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

Trong phiên giao dịch ngày 28/07/2025, VN30-Index tăng điểm phiên thứ 5 liên tiếp kèm theo khối lượng có sự đột phá và nằm trên mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền tiếp tục giao dịch sôi động.

Bên cạnh đó, chỉ số tiếp tục bám sát dải trên (Upper Band) của Bollinger Bands trong bối cảnh chỉ báo MACD liên tục tạo các đỉnh và đáy mới cao hơn (Higher High, Higher Low). Điều này càng củng cố thêm cho đà tăng hiện tại.

Hình 3- Chỉ số VN30 cơ sở theo ngày



Nguồn: Fireant, BT Research

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG NGÀY 28/07/2025

Các hợp đồng tương lai đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch ngày 28/07/2025. Cụ thể, 4111F8000 (F8000) tăng 1.2%, đạt 1,693 điểm; 4111G3000 (G3000) tăng 1.32%, đạt 1,670.3 điểm; hợp đồng VN30F2509 (F2509) tăng 1.04%, đạt 1,685.5 điểm; hợp đồng VN30F2512 (F2512) tăng 1.27%, đạt 1,674.6 điểm. Chỉ số cơ sở VN30-Index kết phiên ở mức 1,695.63 điểm.

Trong phiên giao dịch ngày 28/07/2025, hợp đồng 4111F8000 mở cửa trong trạng thái giằng co với lợi thế nghiêng về phía phe Long giúp cho F8000 nằm trên mốc tham chiếu trong suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, lực mua tiếp tục gia tăng và áp đảo khiến hợp đồng này bứt phá mạnh và đóng cửa tại mức cao nhất phiên 1,693 điểm và tăng 20 điểm.

## NHẬN ĐỊNH GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Phiên đầu tuần quán tính tăng điểm tiếp diễn kéo phái sinh tăng 20 điểm lên 1.693 điểm. Thanh khoản giao dịch vẫn tiếp tục sôi động tuy nhiên có sự sụt giảm phiên thứ 4 liên tiếp về dưới 200 nghìn hợp đồng.

Khối ngoại tăng 242 vị thế LONG. Tự doanh giảm 874 vị thế SHORT.

Theo thống kê, Tự doanh nắm 16,710 hợp đồng SHORT (giá vốn: 1,652.3); Lãi/Lỗ lũy kế: -161.2 tỷ; Giá hòa vốn: 1,596.6. Khối ngoại nắm 18,231 hợp đồng LONG (giá vốn: 1,648.3); Lãi/Lỗ lũy kế: +202.3 tỷ; Giá hòa vốn: 1,582.0

- Vị thế **LONG** khuyến nghị tham gia khi test lại 1,680.x; STL khi thủng 1,679.8 ở khung m5.
- Vị thế **SHORT** khuyến nghị quan sát phản ứng tại 1,650.8 ở khung h1. Trường hợp đóng nền thủng h1 chọn điểm vào retest lại ở kênh giá m3/m5. Điều kiện kênh giá m3/m5 dưới trên h1.

(Lưu ý stoploss chỉ tính thời điểm giá đóng nền và tùy vị thế để có chiến lược phù hợp).

**Bảng 2: Thông tin mã Hợp đồng Tương lai ngày 28/07/2025**

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | +/-   | KLGD    | Ngày đáo hạn | OI     |
|-------------|--------------|-------|---------|--------------|--------|
| 4111F8000   | 1,693.0      | +20.0 | 187,650 | 21/08/2025   | 56,758 |
| VN30F2509   | 1,685.5      | +17.3 | 1,075   | 18/09/2025   | 3,087  |
| VN30F2512   | 1,674.6      | +21.0 | 236     | 18/12/2025   | 737    |
| 4111G3000   | 1,670.3      | +21.8 | 68      | 19/03/2026   | 95     |

Nguồn: BT Research

**Bảng 5: Ngưỡng trong phiên**

|              |               |
|--------------|---------------|
| Kháng cự xa  | 1,717 – 1,730 |
| Kháng cự gần | 1,700 – 1,704 |
| Hỗ trợ gần   | 1,680 – 1,673 |
| Hỗ trợ xa    | 1,650 – 1,626 |

**Bảng 3: Chênh lệch giá HĐTL**

| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-   |
|-------------------|----------|-------------|-------|
| VN30F1M - VN30    | -2.63    | 3.67        | -6.30 |
| VN30F2M - VN30    | -10.13   | -1.13       | -9.00 |
| VN30F2M - VN30F1M | -7.5     | -4.8        | -2.70 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -18.4    | -19.4       | 1.00  |
| VN30F1Q - VN30F2M | -10.9    | -14.6       | 3.70  |
| VN30F2Q - VN30F1M | -22.7    | -24.5       | 1.80  |
| VN30F2Q - VN30F2M | -15.2    | -19.7       | 4.50  |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -4.3     | -5.1        | 0.80  |

**Bảng 4: Chiến lược giao dịch trong ngày**

| Vị thế       | Điểm vào      | Chốt lời              | Cắt lỗ             |
|--------------|---------------|-----------------------|--------------------|
| <b>LONG</b>  | 1680.x<br>... | 1700 / 1703 /<br>1717 | <1679.8, m5<br>... |
| <b>SHORT</b> | Q/S           | Q/S                   | Q/S                |

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

• Chiến lược giao dịch trong phiên: NĐT thận trọng tham gia với tỷ trọng vừa phải do diễn biến chỉ số thời gian gần đây tương đối biến động.

- Vị thế **Long** khuyến nghị tham gia khi test lại 1680.x; STL khi thủng 1679.8 ở khung m5.
- Vị thế **Short** khuyến nghị quan sát phản ứng tại 1,650.8 ở khung h1. Trường hợp đóng nền thủng H1 chọn điểm vào retest lại ở kênh giá m3/m5. Điều kiện kênh giá m3/m5 dưới trên H1.

• Chiến lược giao dịch qua đêm: Không khuyến nghị giữ vị thế qua đêm, quan sát chờ điểm vào phù hợp.

\* Lưu ý: Trường hợp giá mở cửa tạo gap lớn cần chú ý quan sát, tránh fomo đặt lệnh và phòng ngừa rủi ro. Kết hợp theo dõi tình hình diễn biến thị trường chứng khoán cơ sở.

Hình 4- Chỉ số VN30F1M theo khung ngày



Nguồn: Fireant, BT Research

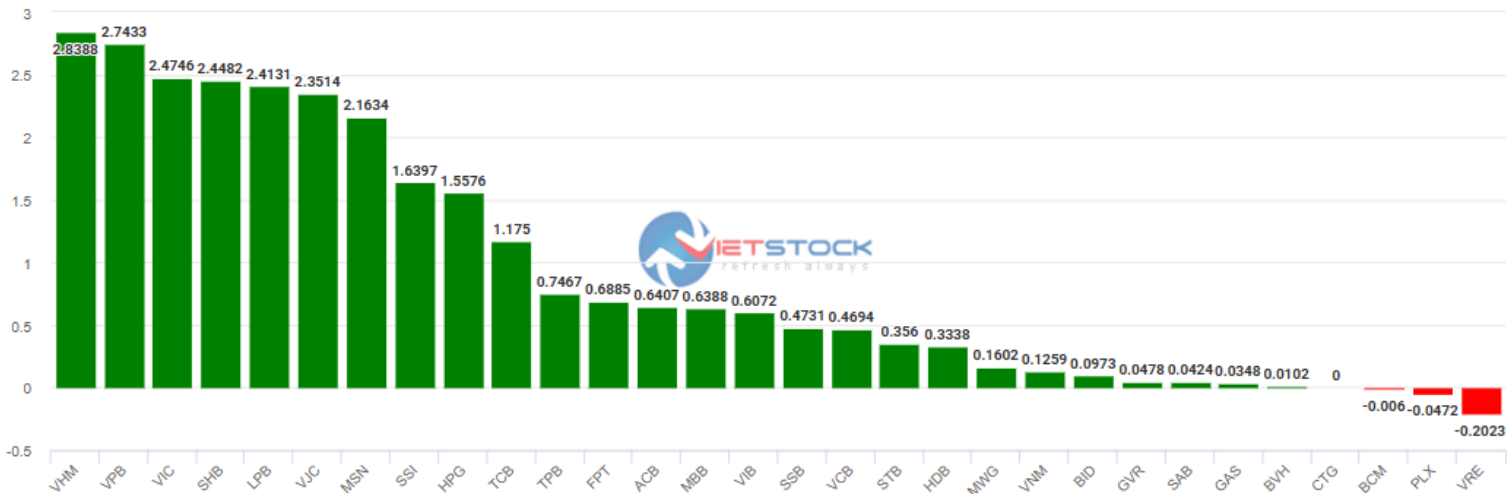
Hình 5- Chỉ số VN30F1M theo khung 30 phút



Nguồn: Fireant, BT Research

## Hình 6- Cổ phiếu ảnh hưởng trong VN30-Index

Top cổ phiếu đóng góp tăng: **27.2779** Top cổ phiếu đóng góp giảm: **-0.2555**



Nguồn: Vietstock

Chỉ số VN30-Index đóng cửa tăng 1.58% với 26 mã tăng và 03 mã giảm. Trong đó, 03 mã đóng góp tích cực nhất là VHM, VPB, VIC. Ngược lại, VRE, PLX, BCM gây áp lực giảm điểm lên chỉ số VN30.

## Danh sách cổ phiếu nhóm VN30

| Mã CK | Phân ngành                   | Giá     | Thay đổi | KLCPLH        | Vốn hóa             | Tỷ trọng (%) | Ảnh hưởng (%) | Điểm ảnh hưởng |
|-------|------------------------------|---------|----------|---------------|---------------------|--------------|---------------|----------------|
| VHM   | Bất động sản                 | 95,600  | 2.03%    | 4,107,412,004 | 94,044,126,725,985  | 8.38         | 0.17          | 2.84           |
| VPB   | Ngân hàng                    | 25,100  | 4.37%    | 7,933,923,601 | 42,217,994,265,641  | 3.76         | 0.16          | 2.74           |
| VIC   | Bất động sản                 | 115,600 | 1.31%    | 3,823,661,561 | 127,035,190,452,190 | 11.32        | 0.15          | 2.47           |
| SHB   | Ngân hàng                    | 16,100  | 6.98%    | 4,065,250,816 | 23,588,373,944,791  | 2.10         | 0.15          | 2.45           |
| LPB   | Ngân hàng                    | 36,550  | 3.69%    | 2,987,282,100 | 43,979,782,752,114  | 3.92         | 0.14          | 2.41           |
| VJC   | Du lịch và Giải trí          | 127,000 | 4.18%    | 541,611,334   | 37,831,551,679,900  | 3.37         | 0.14          | 2.35           |
| MSN   | Thực phẩm và đồ uống         | 77,600  | 2.37%    | 1,438,351,617 | 61,388,847,013,560  | 5.47         | 0.13          | 2.16           |
| SSI   | Dịch vụ tài chính            | 35,800  | 5.29%    | 1,961,872,450 | 20,845,758,005,128  | 1.86         | 0.1           | 1.64           |
| HPG   | Tài nguyên cơ bản            | 26,350  | 1.15%    | 6,396,250,200 | 91,084,716,808,691  | 8.11         | 0.09          | 1.56           |
| TCB   | Ngân hàng                    | 35,600  | 1.14%    | 7,064,851,739 | 69,315,803,757,955  | 6.17         | 0.07          | 1.18           |
| TPB   | Ngân hàng                    | 16,450  | 5.45%    | 2,641,956,196 | 9,213,558,037,930   | 0.82         | 0.04          | 0.75           |
| FPT   | Công nghệ thông tin          | 111,300 | 0.54%    | 1,471,069,183 | 85,742,945,085,558  | 7.64         | 0.04          | 0.69           |
| ACB   | Ngân hàng                    | 23,850  | 1.06%    | 4,466,657,912 | 40,651,768,322,378  | 3.62         | 0.04          | 0.64           |
| MBB   | Ngân hàng                    | 28,750  | 1.05%    | 6,102,272,659 | 40,912,687,042,266  | 3.64         | 0.04          | 0.64           |
| VIB   | Ngân hàng                    | 18,850  | 2.45%    | 2,979,127,815 | 16,667,266,804,024  | 1.48         | 0.04          | 0.61           |
| SSB   | Ngân hàng                    | 21,100  | 1.93%    | 2,835,000,000 | 16,485,978,600,000  | 1.47         | 0.03          | 0.47           |
| VCB   | Ngân hàng                    | 62,800  | 1.29%    | 8,355,691,435 | 24,473,753,367,584  | 2.18         | 0.03          | 0.47           |
| STB   | Ngân hàng                    | 49,100  | 0.61%    | 1,885,215,716 | 39,247,174,861,974  | 3.50         | 0.02          | 0.36           |
| HDB   | Ngân hàng                    | 28,450  | 0.71%    | 3,495,060,732 | 31,620,163,948,477  | 2.82         | 0.02          | 0.33           |
| MWG   | Bán lẻ                       | 70,200  | 0.14%    | 1,461,484,209 | 76,947,143,603,850  | 6.85         | 0.01          | 0.16           |
| VNM   | Thực phẩm và đồ uống         | 63,300  | 0.16%    | 2,089,955,445 | 52,917,671,867,400  | 4.71         | 0.01          | 0.13           |
| BID   | Ngân hàng                    | 39,400  | 1.42%    | 6,897,515,268 | 4,609,085,242,444   | 0.41         | 0.01          | 0.1            |
| GVR   | Hóa chất                     | 31,400  | 0.64%    | 4,000,000,000 | 5,024,000,000,000   | 0.45         | 0             | 0.05           |
| SAB   | Thực phẩm và đồ uống         | 49,300  | 0.41%    | 1,282,562,372 | 6,955,335,743,356   | 0.62         | 0             | 0.04           |
| GAS   | Điện, nước, xăng dầu khí đốt | 68,900  | 0.29%    | 2,342,672,919 | 8,070,508,205,955   | 0.72         | 0             | 0.03           |
| BVH   | Bảo hiểm                     | 52,200  | 0.38%    | 742,322,764   | 1,807,264,939,817   | 0.16         | 0             | 0.01           |
| CTG   | Ngân hàng                    | 45,600  | 0.00%    | 5,369,991,748 | 15,573,835,267,880  | 1.39         | 0             | 0              |
| BCM   | Bất động sản                 | 69,700  | (-0.14%) | 1,035,000,000 | 2,885,580,000,000   | 0.26         | 0             | -0.01          |
| PLX   | Dầu khí                      | 37,850  | (-0.66%) | 1,270,592,235 | 4,809,191,609,475   | 0.43         | 0             | -0.05          |
| VRE   | Bất động sản                 | 29,350  | (-0.51%) | 2,272,318,410 | 26,677,018,133,400  | 2.38         | -0.01         | -0.2           |

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

---

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

---

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà BT Research cho là đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo.

Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. BT Research và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. BT Research không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

---

### Trung tâm phân tích và đầu tư

#### Lâm Tuyết Nhi

Trưởng phòng phân tích và đầu tư  
nhi.lam@bt-group.vn

#### Phân tích viên

---

#### Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Chuyên viên phân tích  
trang.nguyenthuy@bt-group.vn

#### Nguyễn Thị Tú

Chuyên viên phân tích  
tu.nguyen@bt-group.vn

#### Trần Thị Thoại Ngân

Chuyên viên phân tích  
ngan.tran@bt-group.vn

#### Nguyễn Viết Hoàng Chương

Chuyên viên phân tích  
chuong.nguyen@bt-group.vn